

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: /SNN-TCCB
V/v báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu cam
kết DVCTT và thanh toán trực tuyến
tháng 4/2023

1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông.

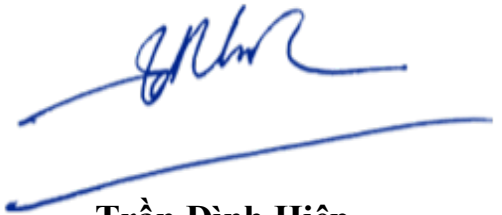
Thực hiện Công văn số 245/UBND-KSTT ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện chỉ tiêu cam kết dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện đến tháng 4/2023 theo phụ lục đính kèm.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính gửi Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Đình Hiệp

PHỤ LỤC I
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CAM KẾT VÀ TỶ LỆ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN
VÀ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN LUỸ KẾ ĐẾN THÁNG 4/2023

(Ban hành Kèm theo Công văn số: /SNN-TCCB ngày /5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. Số lượng hồ sơ

STT	Tên DVCTT	Mã số TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ có phí lệ phí	Hồ sơ thanh toán trực tuyến	Ghi chú
	Tổng cộng: 56 DVCTT		131	94	40	35	
I	Lĩnh vực Chăn nuôi: 04		0	0	0	0	
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008127.000.00.00.H46					
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008129.000.00.00.H46					
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008126.000.00.00.H46					
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008128.000.00.00.H46					

STT	Tên DVCTT	Mã số TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ có phí lệ phí	Hồ sơ thanh toán trực tuyến	Ghi chú
II	Lĩnh vực Thú y: 12		12	09	09	02	
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc Thú y)	2.001064.000.00.00.H46	07	05	05	01	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hàng nghề thú y)	1.005319.000.00.00.H46					
3	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	1.004839.000.00.00.H46					
4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1.004022.000.00.00.H46					
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686.000.00.00.H46	3	2	2	01	
6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận vệ sinh thú y	2.002132.000.00.00.H46	01	01	01	0	

7	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản)	1.003598.000.00.00.H46					TTHC đã được bãi bỏ, thay thế theo Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 (Đang tham mưu đề nghị UBND tỉnh ban hành DVCTT thay thế)
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	1.003781.000.00.00.H46	01	01	01	0	
9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống thủy sản)	1.005327.000.00.00.H46					
10	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	1.003577.000.00.00.H46					
11	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	1.003589.000.00.00.H46					
12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	1.003619.000.00.00.H46					
III	Lĩnh vực Thủy lợi: 14		4	4	0	0	
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203.000.00.00 H46	1	1	0	0	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công	1.003211.000.00.00 H46					

	trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh						
3	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003188.000.00.00 H46	1	1	0	0	
4	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221.000.00.00.H46	2	2	0	0	
5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003232.000.00.00 H46					
6	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	1.003867.000.00.00 H46					
7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003870.000.00.00 H46					
8	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong	1.003893.000.00.00 H46					

	trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh						
9	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003921.000.00.00 H46					
10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004385.000.00.00 H46					
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001401.000.00.00 H46					
12	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001791.000.00.00 H46					
13	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa,	2.001793.000.00.00 H46					

	phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh						
14	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001795.000.00.00 H46					
IV	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai: 01		0	0	0	0	
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.008408.000.00.00 H46					
V	Lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao: 02		0	0	0	0	
1	Cấp giấy chứng nhận DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2.001827.000.00.00.H46					
2	Cấp lại giấy chứng nhận DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2.001823.000.00.00.H46					
VI	Lĩnh vực lâm nghiệp: 02		0	0	0	0	
1	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường	3.000198.000.00.00.H46					
2	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	1.000047.000.00.00.H46					
VII	Lĩnh vực phát triển nông thôn: 01		0	0	0	0	
1	Hỗ trợ dự án liên kết	1.003397.000.00.00.H46					
VIII	Lĩnh vực tàu cá và khai thác thủy sản: 07		88	54	34	27	

1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	1.003586.000.00.00.H46					
2	Thủ tục công bố mở cảng cá loại 2	1.004694.000.00.00.H46					
3	Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (đối với xác nhận nguồn gốc).	1.004656.000.00.00.H46					
4	Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (đối với xác nhận mẫu vật).	1.004656.000.00.00.H46					
5	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	1.003666.000.00.00.H46					
6	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (đối với cấp mới)	1.004359.000.00.00.H46	42	30	42	15	
7	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (đối với cấp lại)	1.004359.000.00.00.H46	46	24	46	12	
IX	Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản: 03		0	0	0	0	
1	Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục	1.004680.000.00.00.H46					

	Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.						
2	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (đối với trường hợp cấp mới)	1.004915.000.00.00.H46					
3	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (đối với trường hợp cấp lại)	1.004915.000.00.00.H46					
X	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: 09		27	27	27	6	
1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1.007933.000.00.00.H46					
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh lĩnh vực trồng trọt (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông	2.001823.000.00.00.H46					

	tin trên Giấy chứng nhận)						
3	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	1.004509.000.00.00.H46					
4	Cấp giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	1.004493.000.00.00.H46	6	6	6	3	03 hồ sơ test thử nộp tiền trực tuyến
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, bị thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	2.001819.000.00.00.H46					
6	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hoá sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	1.009478.000.00.00.H46	5	5	5	1	
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu và được lãnh đạo chấp thuận)	1.004363.000.00.00.H46	8	8	8	2	02 hồ sơ test thử thanh toán trực tuyến
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931.000.00.00.H46	7	7	7	0	
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Trường hợp hồ sơ hợp	1.004363.000.00.00.H46	1	1	1	0	Hồ sơ test thử thanh toán trực

	lệ: Tham mưu, thành lập Đoàn đi kiểm tra thực tế nhưng chưa đạt yêu cầu)						tuyển
XI	Lĩnh vực QLCL nông lâm sản và thủy sản: 01		0	0	0	0	
1	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, bị thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	2.001.819					

II. Tỷ lệ hồ sơ so với cam kết (của các DVCTT có phát sinh hồ sơ)

STT	Tên DVCTT	Mã số TTHC	Tỷ lệ (%) hồ sơ nộp trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận		Tỷ lệ (%) hồ sơ thanh toán trực tuyến so với tổng số hồ sơ có phí/ lệ phí/ NVNS		Ghi chú
			Chỉ tiêu đã cam kết	Lũy kế đến tháng b/c	Chỉ tiêu đã cam kết	Lũy kế đến tháng b/c	
I	Lĩnh vực Thủy lợi						
1	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003188.000.00.00.H46	30	100	0	0	

2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221.000.00.00.H46	30	100	0	0	
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203.000.00.00 H46	30	100	0	0	
II	Lĩnh vực thú y						
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc Thú y)	2.001064.000.00.00.H46	60	71	30	20	Tài khoản công dân bị lỗi không TT trực tuyến (ngày 19-20/4/2023)
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	1.003781.000.00.00.H46	40	100	25	0	
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận vệ sinh thú y	2.002132.000.00.00.H46	40	100	25	0	
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686.000.00.00.H46	40	67	25	50	
III	Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV						
1	Cấp giấy chứng nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	1.004493.000.00.00.H46	100	50	50	30	
2	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hoá sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ nông nghiệp và Phát	1.009478.000.00.00.H46	100	30	33	20	

	triển nông thôn ban hành						
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu và được lãnh đạo chấp thuận)	1.004363.000.00.00.H46	100	40	25	25	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931.000.00.00.H46	100	40	0	25	
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu, thành lập Đoàn đi kiểm tra thực tế nhưng chưa đạt yêu cầu)	1.004363.000.00.00.H46	100	50	0	30	
IV	Lĩnh vực tàu cá và khai thác thủy sản						
1	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (đối với cấp mới)	1.004359.000.00.00.H46	31	71,43	21	35,71	
2	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (đối với cấp lại)	1.004359.000.00.00.H46	31	52,17	21	26,09	

PHỤ LỤC II: BÁO CÁO GIẢI TRÌNH 02 HỒ SƠ GIẢI QUYẾT QUÁ HẠN*(Kèm theo Công văn số /SNN-TCCB ngày /5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Danh sách hồ sơ	Mã số biên nhận	Hình thức tiếp nhận		Đã giải quyết quá hạn	Chưa giải quyết quá hạn	Lý do	Hướng xử lý
			Trực tiếp	Trực tuyến				
I	Lĩnh vực Thủy lợi: 01 hồ sơ							
1	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	000.05.07.H46-230309-0001		X		Chưa giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa Chi cục Thủy lợi tiếp nhận hồ sơ ngày 09/3/2023. Ngày hẹn trả kết quả 17/4/2023 tổng thời gian xử lý là 26 ngày làm việc. - Theo quy trình xử lý tại Chi cục Thủy lợi đã thực hiện đúng thời gian quy định 20 ngày làm việc. - Ngày 03/4/2023 bộ phận một cửa Chi cục gửi hồ sơ lên UBND tỉnh qua Trung tâm hành chính công. Ngày 04/4/2023 Bộ phận một cửa UBND tỉnh đã tiếp nhận đúng thời hạn quy định. - Ngày 20/4/2023 Chi cục Thủy lợi đã nhận được kết quả theo đường quản lý văn bản và gửi về kết quả (Quyết định 889/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 về việc phê duyệt phương án bảo vệ công trình hồ chứa nước Vân Tiên) theo đường văn thư cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi. - Như vậy kết quả xử lý thủ tục chậm 04 ngày so với ngày hẹn trả kết quả. Quá hạn tại bước xử lý hồ sơ liên 	

							thông của Văn phòng UBND tỉnh.	
II	Lĩnh vực lâm nghiệp: 01 hồ sơ							
1	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	000.03.07.H46-221017-0002	X			Chưa giải quyết	<p>- Ngày 17/10/2022, Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ của TTHC: Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý của BQL VQG Phong Nha-Kẻ Bàng, thời gian xử lý là 50 ngày hẹn trả kết quả kết quả ngày 25/4/2023 (trong quá trình xử lý đã yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ 03 lần). Theo quy trình xử lý tại đơn vị, Chi cục Kiểm lâm đã thực hiện đúng thời gian quy định.</p> <p>- Ngày 31/01/2023, Chi cục Kiểm lâm gửi hồ sơ lên UBND tỉnh qua Trung tâm hành chính công. Trong quá trình giải quyết: Văn Phòng UBND tỉnh đã yêu cầu bổ sung hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm đã bổ sung đầy đủ.</p> <p>- Ngày 16/3/2023, Bộ phận một cửa UBND tỉnh đã chuyển lại về bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm và tạm dừng giải quyết. Khi Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND chuyển lại chưa kèm theo Quyết định của UBND tỉnh và cũng không nói rõ lý do.</p> <p>Do chưa có kinh nghiệm trong xử lý kết thúc quy trình trên phần mềm đối với trường hợp này, vì vậy cán bộ một cửa Chi cục chưa kết thúc quy trình dừng xử lý TTHC và văn bản thông báo cho tổ chức biết việc dừng giải quyết TTHC, ngày 08/5/2023 cán bộ bộ phận</p>	<p>Cán bộ Bộ phận Một cửa và cán bộ xử lý hồ sơ của Chi cục Kiểm lâm nghiêm túc rút kinh nghiệm, mặc khác tích cực học tập trao đổi, nghiên cứu văn bản hướng dẫn để thực hiện tốt trong xử lý hồ sơ trên phần mềm nhằm thực hiện đúng thời gian quy trình.</p>

							một cửa mới kết thúc quy trình dẫn đến quá hạn xử lý 12 ngày làm việc.	
--	--	--	--	--	--	--	--	--